

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/DS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2026
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thao.

2. Bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1967 và bà Lý Hồng Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: 8 P, phường P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Lý Hồng Đ: Ông Lê Văn P; địa chỉ: 8 P, phường P, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1958 và bà Lê Thị C, sinh năm 1961; địa chỉ: Hẻm C, tổ F, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Lê Văn P và bà Lê Thị C là chị em ruột. Vào ngày 23 tháng 12 năm 2010, vợ chồng bà Lê Thị C, ông Nguyễn Hữu T vay của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ số tiền gốc là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng. Lúc vay có ghi thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận khi nào trả gốc thì trả tiền lãi, không

thỏa thuận mức lãi cụ thể, ông bà không thừa nhận lời khai của bà C cho rằng đã trả lãi đến năm 2014. Từ năm 2011 đến nay, năm nào vợ chồng ông P cũng yêu cầu vợ chồng bà C trả nợ nhưng vợ chồng bà C cứ hẹn khi nào có tiền thì trả nên vợ chồng ông P tạo điều kiện cho ông T bà C khi nào có thì trả vì hoàn cảnh khó khăn và là chỗ chị em với nhau. Đến tháng 01 năm 2026, khi vợ chồng ông P hỏi yêu cầu trả nợ vì bà Đ đau ốm cần tiền chữa bệnh thì vợ chồng bà C vẫn cứ nói có tiền mới trả và có thái độ không muốn trả nên buộc ông P bà Đ phải khởi kiện ra Tòa.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T trả cho ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ số tiền gốc 500.000.000 đồng. Tại thời điểm vay lãi suất cơ bản theo Ngân hàng khoảng 8%/năm nên ông bà yêu cầu bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T trả tiền lãi theo mức lãi 8%/năm, kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2011 đến nay là 15 năm 3 tháng 7 ngày, cụ thể là 610.767.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Lê Thị C, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn trình bày:

Giữa bà và ông Lê Văn P là chị em ruột. Vào ngày 23 tháng 12 năm 2010, bà và chồng là Nguyễn Hữu T có vay của vợ chồng ông Lê Văn P bà Lý Hồng Đ số tiền gốc là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng.

Sau khi vay, vợ chồng bà trả lãi hàng tháng 10.000.000 đồng từ khi vay đến năm 2014, giao tiền mặt và không viết giấy giao nhận tiền. Do không viết giấy và không có người làm chứng nên bà không có chứng cứ về trả tiền lãi. Nhưng việc trả lãi đến năm 2014 là đúng, năm 2014 bà bể nợ nên mới không tiếp tục trả lãi. Ông P nói bà không trả lãi là không đúng, tâm lý của người cho vay tiền mà không nhận được tiền lãi thì sẽ không dễ yên vợ chồng bà đến nay.

Sau năm 2014, vợ chồng ông P nhiều lần hỏi đòi tiền, vợ chồng bà có nói khi nào có tiền sẽ trả nhưng do làm ăn thua lỗ không thu được tiền, từ đó không có khả năng trả và không trả được gốc và lãi.

Đến tháng 01 năm 2026, vợ chồng ông P tiếp tục đòi nợ, vợ chồng bà vẫn nói với vợ chồng ông P không có khả năng trả, để các con bà làm ăn ổn định sau này hỗ trợ cha mẹ được thì vợ chồng bà sẽ trả nhưng vợ chồng ông P nghĩ vợ chồng bà biến thủ tiền không chịu trả nay đã khởi kiện nợ ra Tòa thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, vợ chồng bà không có khả năng trả, vợ chồng già yếu, không có nguồn thu nhập.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn Hữu T. Tuy nhiên, ông T chỉ nộp đơn xin miễn nộp tiền án phí và không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Đảm bảo tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng các điều 122, 471 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng các điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí, đề nghị miễn án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật. Nơi cư trú của bị đơn tại phường H, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2]. Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc:

Nguyên đơn ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ yêu cầu bị đơn bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T trả cho ông bà tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và trả tiền lãi 610.767.000 đồng, tính theo mức lãi 8%/năm kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2011 đến nay là 15 năm 3 tháng 7 ngày.

Việc vay tiền được bị đơn bà Lê Thị C xác nhận có vay tiền và phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình chứng cứ là bản gốc giấy mượn tiền.

Bà Lê Thị C cho rằng đã trả lãi mỗi tháng 10.000.000 đồng từ thời điểm vay đến năm 2014, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh và bị đơn không thừa nhận nên không được chấp nhận. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 8%/năm tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, mức lãi suất yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời gian tính lãi từ ngày 23 tháng 3 năm 2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2026) là 15 năm 3 tháng 7 ngày, cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/\text{năm} \times 15 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 610.767.000 \text{ đồng}$.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.110.767.000 đồng.

[5] Án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 45.323.010 đồng.

Bị đơn đều là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí, do vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí cho bị đơn.

Hoàn trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 122, 471 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ.

1. Buộc bị đơn bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T trả cho ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ số tiền 1.110.767.000 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi là 610.767.000 đồng.

Kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002493 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn P và bà Lý Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Sáu